CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM
Số: 03/BHC/2025

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân công bố sản phẩm:

Tên tổ chức:	CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG BIÊN HÒA
Địa chỉ mới:	KHU CÔNG NGHIỆP BIÊN HÒA 1, PHƯỜNG TRẤN BIÊN, TỈNH ĐỒNG NAI, VIỆT NAM.
Địa chỉ cũ:	KHU CÔNG NGHIỆP BIÊN HÒA 1, PHƯỜNG AN BÌNH, THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI, VIỆT NAM.
Điện thoại:	0251.3836199 Fax: 0251.3836213
E-mail:	bhc@bhconsumer.com | www.ttcagris.com.vn
Mã số doanh nghiệp	3600495818

Số giấy chứng nhận cơ sở đã đủ điều kiện ATTP: cơ sở đã có chứng nhận hệ thống an toàn thực phẩm FSSC 22000 còn hiệu lực. Số giấy chứng nhận VN013156-1 ngày cấp 06.03.2025 nơi cấp Bureau Veritas Certification.

Thông tin về sản phẩm:

1. **Tên sản phẩm**:

ĐƯỜNG TINH LUYỆN CAMPUCHIA

2. **Thành phần:** Đường mía 100%
3. **Thời hạn sử dụng của sản phẩm:** 36 tháng kể từ ngày sản xuất. Ngày sản xuất: in trên bao bì.
4. **Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:**
   - Khối lượng tịnh: bao 50 kg.
   - Quy cách đóng gói: Sản phẩm được đựng trong bao bì PE lồng PP đảm bảo an toàn vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định Bộ Y tế.
5. **Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm (trường hợp thuê cơ sở sản xuất):**

   Xuất xứ: Campuchia

   Tên cở sở: KAMPONG SPEU SUGAR CO., LTD.

   Địa chỉ cơ sở sản xuất: #344, MaoTse Tong Blvd, Phum 6, Tuol Svay Prey Muoy, Chamkar Mon, Phnom Penh, 12308, Cambodia.

II. Mẫu nhãn sản phẩm: đính kèm mẫu nhãn chính và nhãn phụ sản phẩm.

III. Yêu cầu về an toàn thực phẩm:

Tổ chức sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu an toàn thực phẩm theo:

1. **Kim loại nặng:** QCVN 8-2:2011/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa

1	Hàm lượng Chì	mg/kg	0,5
2	Hàm lượng Thủy Ngân	mg/kg	0,05
3	Hàm lượng Cadimi	mg/kg	1
4	Hàm lượng Asen	mg/kg	1

2. **Dư lượng thuốc bảo vệ thực vật:** Phù hợp thông tư 50/2016/TT-BYT – Thông tư quy định giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm.

3. **Tiêu chuẩn của nhà sản xuất:**

4.1 Chỉ tiêu cảm quan:

- Trạng thái: Tinh thể tương đối đồng đều, tơi khô, không vón cục.
- Mùi vị: Tinh thể đường cũng như dịch đường trong nước cất có vị ngọt, không có mùi lạ, vị lạ.
- Màu sắc: Tinh thể đường có màu trắng óng ánh, khi pha trong nước cất, dung dịch đường trong suốt.

4.2 Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu: Theo tiêu chuẩn nhà sản xuất

STT	Tên chỉ	Đơn vị tính	Mức công bố
1	Hàm lượng saccharose	%	≥ 99,5
2	Độ ẩm	%	≤ 0,05
3	Hàm lượng đường khử	%	≤ 0,1

4.3 Hàm lượng hóa chất không mong muốn: Theo tiêu chuẩn nhà sản xuất

STT	Tên chỉ	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Hàm lượng Sunphua Dioxit (SO_2)	mg/kg	10

5 **Hướng dẫn sử dụng:** Dùng trong ngành công nghiệp thực phẩm, đồ uống, chất hỗ trợ, thức ăn chăn nuôi,….

6 **Hướng dẫn bảo quản:** Trưng bày hoặc bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, kín. Tránh tiếp xúc với nước và ánh nắng mặt trời.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy trình của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố.

Đồng Nai, ngày 01 tháng 07 năm 2025

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)

M.S.D.N: 3600495818 - C.T.C.P - CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG BIÊN HÒA - TP. BIÊN HÒA - T. ĐỒNG NAI

Lê Đình Nghiêm

QHSE Ngày 01.07.2025 Phê Duyệt

Lê Hồng Phong

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG BIÊN HÒA

Lê Đình Nghiêm

Sản phẩm: ĐƯỜNG TINH LUYỆN CAMPUCHIA

Thành phần: Đường mía 100 %

Khối lượng tịnh: 50 kg

Ngày sản xuất: Xem MFG trên bao bì

Hạn sử dụng: 36 tháng kể từ ngày sản xuất

Xuất xứ: Campuchia

Hướng dẫn sử dụng: Sử dụng trực tiếp và dùng trong chế biến thực phẩm, đồ uống, dược phẩm.

Hướng dẫn bảo quản: Trưng bày hoặc bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp.

Thông tin cảnh báo: Không sử dụng sản phẩm khi hết hạn sử dụng hoặc có dấu hiệu hư hỏng.

Nhập khẩu bởi:

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG BIÊN HÒA

Địa chỉ mới: Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Phường Trấn Biên, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Địa chỉ cũ: Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Sản xuất tại:

KAMPONG SPEU SUGAR CO., LTD

#344, MaoTse Tong Blvd, Phum 6, Tuol Svay Prey Muoy, Chamkar Mon, Phnom Penh, 12308 Cambodia

NHÃN CHÍNH SẢN PHẨM



Đồng Nai, ngày 12 tháng 05 năm 2025

GIÁM ĐỐC NHÀ MÁY

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG BIÊN HÒA

Lê Đình Nghiêm

ỦY BAN TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3
QUATEST 3®
Head Office: 49 Pasteur, Dist. 1, HCMC,Vietnam Tel: (84-28) 3829 4274 Fax: (84-28) 3829 3012 E-mail: info@quatest3.com.vn Website: www.quatest3.com.vn
Testing Complex: No. 7, road No. 1, Bien Hoa 1 IZ, Dong Nai, Vietnam C5 lot, K1 road, Cat Lai IZ, Thu Duc City, HCMC, Vietnam 64 Le Hong Phong, Dist.5, HCMC, Vietnam

KT3-01533BTP5/2	**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM** *TEST REPORT*	26/03/2025 Page 01/06

1. Tên mẫu / *Name of sample* : **ĐƯỜNG TINH LUYỆN CAMPUCHIA / CAMBODIA REFINED SUGAR**

2. Mô tả mẫu / *Sample description* : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp. / *Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.*
Mẫu đựng trong túi nhựa.
As received sample is contained in plastic bag.

3. Số lượng mẫu / *Quantity* : 01

4. Ngày nhận mẫu / *Date of receiving* : 18/03/2025

5. Thời gian thử nghiệm / *Testing duration* : 19/03/2025 - 26/03/2025

6. Nơi gửi mẫu / *Customer* : **CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG BIÊN HÒA**
KCN Biên Hòa 1, phường An Bình, TP. Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai

7. Kết quả thử nghiệm / *Test results* : Xem trang / *See page* 02-06/06

TRƯỞNG PTN THỰC PHẨM
HEAD OF FOOD TESTING LAB.

Nguyễn Thành Công

TL. GIÁM ĐỐC/ *PP. DIRECTOR*
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM /
HEAD OF TESTING LAB.

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
ỦY BAN TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA

Ngô Quốc Việt

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report .
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Head Office: 49 Pasteur, Dist. 1, HCMC, Vietnam Tel: (84-28) 3829 4274 Fax: (84-28) 3829 3012 E-mail: info@quatest3.com.vn Website: www.quatest3.com.vn
Testing Complex: No. 7, road No. 1, Bien Hoa 1 IZ, Dong Nai, Vietnam C5 lot, K1 road, Cat Lai IZ, Thu Duc City, HCMC, Vietnam 64 Le Hong Phong, Dist.5, HCMC, Vietnam

KT3-01533BTP5/2

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3

7. Kết quả thử nghiệm / *Test results*:

Tên chỉ tiêu *Characteristic*	Phương pháp thử *Test method*	Giới hạn phát hiện *Limit of Detection*	Phạm vi đo *Range of measurement* (≥)	Kết quả thử nghiệm *Test result*
7.1. Cảm quan(*)/ *Sensory*	QTTN/KT3 234:2019			
• Trạng thái / *State*				Dạng hạt, tương đối đồng đều, khô, rời/ *Crystal, relatively same in size, dry, no curdle*
• Màu sắc / *Color*				Tinh thể màu trắng óng ánh, khi pha trong nước cất với tỉ lệ đến 50% (phần khối lượng / thể tích) cho dung dịch trong suốt *Shiny white crystal, clear solution when adding in water 50% (m/v)*
• Mùi Vị / *Odor & taste*				Tinh thể đường hoặc dung dịch đường trong nước có vị ngọt tự nhiên, không có mùi vị lạ *Sugar crystal or sugar solution in water is natural sweet, free from foreign odor & taste*

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report .
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

KT3-01533BTP5/2

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3

7. Kết quả thử nghiệm : *Test results*

Tên chỉ tiêu *Characteristic*	Phương pháp thử *Test method*	Giới hạn phát hiện *Limit of Detection*	Phạm vi đo *Range of measurement* (≥)	Kết quả thử nghiệm *Test result*
7.2. Độ Pol ở 20 ^{0}C (°Z) *Polarization at 20 ^{0}C*	GS 1/2/3/9- 1 (2011) ICUMSA		-	99,9
7.3. Hàm lượng đường khử tính theo khối lượng, % *Reducing sugars content (m/m)*	GS 2/3/9 - 5 (2011) ICUMSA		-	1,60 x 10^{-2}
7.4. Hàm lượng tro dẫn điện tính theo khối lượng, % *Conductivity ash content (m/m)*	GS 2/3/9 - 17 (2011) ICUMSA		-	1,70 x 10^{-2}
7.5. Độ ẩm tính theo khối lượng, % *Moisture content (m/m)*	GS 2/1/3/9 - 15 (2007) ICUMSA		-	1,50 x 10^{-2}
7.6. Độ màu ICUMSA / *Colour*, IU	TCVN 6333 : 2010		-	30,0
7.7. Hàm lượng tạp chất không tan tính theo khối lượng, % *Insoluble matter content (m/m)*	GS 2/3/9 – 19 (2007) ICUMSA		-	2,34 x 10^{-4}
7.8. Hàm lượng sunphua dioxyt (SO_2), mg/kg *Sulfur dioxide content*	GS 2/1/7/9 – 33 (2011) ICUMSA		-	0,47
7.9. Hàm lượng cadimi, mg/kg *Cadmium content*	AOAC 2019 (2013.06)	1,00x10^{-2}		Không phát hiện *Not detected*
7.10. Hàm lượng chì, mg/kg *Lead content*	QTTN/KT3 196 : 2018 (Ref: AOAC (2013.06))	2,00 x 10^{-2}		Không phát hiện *Not detected*
7.11. Hàm lượng asen tổng số, mg/kg *Total arsenic content*	TCVN 8427 : 2010	1,00x10^{-2}		Không phát hiện *Not detected*
7.12. Hàm lượng thủy ngân, mg/kg *Mercury content*	QTTN/KT3 064 : 2016	1,50x10^{-2}		Không phát hiện *Not detected*
7.13. Năng lượng/ *Calories*(*)	QTTN/KT3 024:2018			
• kcal/100 g			-	400

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm. *Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.*
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy. *The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.*
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3. *This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.*
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin. *Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report .*
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận. *The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.*

KT3-01533BTP5/2

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3

7. Kết quả thử nghiệm : *Test results*

Tên chỉ tiêu *Characteristic*	Phương pháp thử *Test method*	Giới hạn phát hiện *Limit of Detection*	Phạm vi đo *Range of measurement* (≥)	Kết quả thử nghiệm *Test result*
7.14. Hàm lượng protein, g/100 g *Protein content*	QTTN/KT3 140:2016 Kjeldahl method		0,1	Không phát hiện *Not detected*
7.15. Hàm lượng carbohydrate không bao gồm chất xơ, g/100 g *Carbohydrate excluding fibre content*	QTTN/KT3 317:2022		-	100
7.16. Hàm lượng đường tổng số(2), g/100 g *Total sugar content*	QUATEST3 1222:2024		-	99,7
7.17. Hàm lượng béo, g/100 g *Total fat content*	QTTN/KT3 139:2016 (Có thủy phân)		0,1	Không phát hiện *Not detected*
7.18. Hàm lượng natri, mg/100 g *Sodium content*	QTTN/KT3 293:2021 (Ref: AOAC 969.23)	1,30		Không phát hiện *Not detected*
7.19. Tổng số vi khuẩn hiếu khí, CFU/10 g *Total mesophillic bacterial count*	GS 2/3 - 41 (2011) ICUMSA 2017	-		$1,6 \times 10^1$
7.20. Nấm mốc, CFU/10 g *Total moulds*	GS 2/3 - 47 (2015) ICUMSA 2017	-		Nhỏ hơn 1(**) *Less than*
7.21. Nấm men, CFU/10 g *Total yeasts*	GS 2/3 - 47 (2015) ICUMSA 2017	-		Nhỏ hơn 1(**) *Less than*
7.22. *Salmonella* spp /25 g	ISO 6579-1:2017/ Amd.1:2020	-		Không phát hiện *Not detected*
7.23. Coliform, CFU/g	ISO 4832 : 2006	-		Nhỏ hơn 10(**) *Less than*
7.24. *E. Coli*, MPN/g	ISO 16649 – 3 : 2015	-		0
7.25. *Staphylococcus aureus*, CFU/g	AOAC 2023 (975.55)	-		Nhỏ hơn 10(**) *Less than*
7.26. Thử nghiệm GMO/ GMO Testing Phát hiện DNA thực vật dựa vào gen actin Phương pháp Real time PCR *Detection of actin gene (actin gene) Real-time PCR technique*	QTTN/KT3 287:2021 Real time PCR	10 copies		Không phát hiện tại giới hạn phát hiện *Not detected at the limit of detection*

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report .
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Head Office: 49 Pasteur, Dist. 1, HCMC,Vietnam Tel: (84-28) 3829 4274 Fax: (84-28) 3829 3012 E-mail: info@quatest3.com.vn Website: www.quatest3.com.vn
Testing Complex: No. 7, road No. 1, Bien Hoa 1 IZ, Dong Nai, Vietnam C5 lot, K1 road, Cat Lai IZ, Thu Duc City, HCMC, Vietnam 64 Le Hong Phong, Dist.5, HCMC, Vietnam

KT3-01533BTP5/2

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ – TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3 – ỦY BAN TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA

7. Kết quả thử nghiệm : *Test results*

Tên chỉ tiêu *Characteristic*	Phương pháp thử *Test method*	Giới hạn phát hiện *Limit of Detection*	Phạm vi đo *Range of measurement* (≥)	Kết quả thử nghiệm *Test result*
7.27. Hàm lượng thuốc bảo vệ thực vật, mg/kg *Pesticide content*				
• 2,4-D	EN 15662:2018	0,01		Không phát hiện *Not detected*
• Aldicarb	EN 15662:2018	0,01		Không phát hiện *Not detected*
• Azinphos-methyl	EN 15662:2018	0,01		Không phát hiện *Not detected*
• Carbofuran	EN 15662:2018	0,01		Không phát hiện *Not detected*
• Chlorantraniliprole	EN 15662:2018	0,005		Không phát hiện *Not detected*
• Clothianidin	QTTN/KT3 272:2020	0,005		Không phát hiện *Not detected*
• Cyhalothrin (bao gồm lambda – cyhalothrin)	EN 15662:2018	0,05		Không phát hiện *Not detected*
• Cypermethrins (bao gồm alpha - and zeta-cypermethrin)	EN 15662:2018	0,05		Không phát hiện *Not detected*
• Dicamba	QTTN/KT3 272:2020	0,05		Không phát hiện *Not detected*
• Ethoprophos	EN 15662:2018	0,01		Không phát hiện *Not detected*
• Glyphosate	QTTN/KT3 274:2020	0,005		Không phát hiện *Not detected*
• Imazapic	QTTN/KT3 272:2020	0,005		Không phát hiện *Not detected*

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report .
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Head Office: 49 Pasteur, Dist. 1, HCMC,Vietnam Tel: (84-28) 3829 4274 Fax: (84-28) 3829 3012 E-mail: info@quatest3.com.vn Website: www.quatest3.com.vn
Testing Complex: No. 7, road No. 1, Bien Hoa 1 IZ, Dong Nai, Vietnam C5 lot, K1 road, Cat Lai IZ, Thu Duc City, HCMC, Vietnam 164 Le Hong Phong, Dist.5, HCMC, Vietnam

KT3-01533BTP5/2

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

26/03/2025

7. Kết quả thử nghiệm : *Test results*

Tên chỉ tiêu *Characteristic*	Phương pháp thử *Test method*	Giới hạn phát hiện *Limit of Detection*	Phạm vi đo *Range of measurement* (≥)	Kết quả thử nghiệm *Test result*
• Isoxaflutole	QTTN/KT3 272:2020	0,005		Không phát hiện *Not detected*
• Mesotrione	QTTN/KT3 272:2020	0,005		Không phát hiện *Not detected*
• Novaluron	EN 15662:2018	0,005		Không phát hiện *Not detected*
• Propiconazole	EN 15662:2018	0,01		Không phát hiện *Not detected*
• Tebufenozide	EN 15662:2018	0,01		Không phát hiện *Not detected*
• Trinexapac-ethyl	QTTN/KT3 272:2020	0,0025		Không phát hiện *Not detected*

Ghi chú/ *Note*: (**): Theo phương pháp thử, kết quả được biểu thị nhỏ hơn 1 CFU/10 g; 10 CFU/g khi không có khuẩn lạc mọc trên đĩa.
According to the test method, the result is expressed as less than 1 CFU/10 g; 10 CFU/g when the dish contains no colony.
(2): Hàm lượng đường tổng số / *Total sugars content* (fructose + glucose + sacaroza + maltose + lactose +xylose + galactose)
Hàm lượng protein/ *Protein* = 6,25 x Hàm lượng nitơ tổng/ *Nitrogen*

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report .
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Bureau Veritas Certification

Giấy chứng nhận cấp cho
CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG BIÊN HÒA

KHU CÔNG NGHIỆP BIÊN HÒA 1, PHƯỜNG AN BÌNH, THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI, VIỆT NAM

COID - VNM-1-6756-908057

Bureau Veritas Certification Holding SAS, chi nhánh UK chứng nhận rằng hệ thống quản lý an toàn thực phẩm của tổ chức trên đã được đánh giá và xác định tuân thủ các yêu cầu của:

Tiêu chuẩn

FSSC 22000

Chương trình chứng nhận cho hệ thống quản lý an toàn thực phẩm, bao gồm các yếu tố sau

ISO 22000:2018, ISO TS 22002-1:2009 và các yêu cầu bổ sung của FSSC 22000 V6

Giấy chứng nhận này áp dụng cho phạm vi

SẢN XUẤT ĐƯỜNG (ĐƯỜNG TINH LUYỆN, ĐƯỜNG TRẮNG, ĐƯỜNG PHÈN, ĐƯỜNG LỎNG, ĐƯỜNG MÍA LỎNG, ĐƯỜNG VIÊN, ĐƯỜNG THANH, ĐƯỜNG NÂU, ĐƯỜNG ĐEN, ĐƯỜNG TRỘN, ĐƯỜNG KHOÁNG CHẤT) VÀ MẬT (NƯỚC MÀU). ĐÓNG GÓI ĐƯỜNG ĂN KIÊNG.

FSSC - Danh mục Chuỗi Thực phẩm: **CIV - Chế biến các sản phẩm lưu trữ ở nhiệt độ thường**

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG BIÊN HÒA
SAO Y BẢN CHÍNH
Ngày ..... tháng ..... năm .....
M.S.D.N: 3600495816 C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG BIÊN HÒA
TP BIÊN HÒA - T.ĐỒNG NAI
Lê Đình Nghiêm

Ngày đánh giá không báo trước gần nhất:	**NA**
Ngày chứng nhận ban đầu:	**24-02-2014**
Ngày hết hạn chu kì trước:	**26-02-2023**
Ngày quyết định chứng nhận:	**06-03-2025**
Ngày bắt đầu chu kì chứng nhận:	**23-02-2023**
Có hiệu lực đến:	**26-02-2026**
Số giấy chứng nhận/Phiên bản:	**VN013156 - 1**
Ngày cấp:	**06-03-2025**

*Cần phải thực hiện ít nhất một (1) cuộc đánh giá giám sát không báo trước sau đợt đánh giá chứng nhận đầu tiên trong mỗi khoảng thời gian ba (3) năm sau đó

Đã ký thay mặt cho BVCH SAS
Chi nhánh UK

UKAS MANAGEMENT SYSTEMS
0008

FSSC 22000

Địa chỉ tổ chức chứng nhận: Tầng 5, 100 Đường Lower Thames, London, EC3R 6DL, Vương quốc Anh

Văn phòng địa phương: HCM Trụ sở chính: Số 36-38 Nguyễn Văn Trỗi, Phường 15, Quận Phú Nhuận, TP.HCM, Việt Nam

Có thể tìm hiểu thêm về phạm vi của chứng nhận này và mức độ khả dụng các yêu cầu của hệ thống quản lý bằng cách tham vấn với tổ chức.

Chứng nhận này vẫn là tài sản của Bureau Veritas Certification Holding SAS – Chi nhánh Vương quốc Anh
Chứng nhận này có thể được xác thực trên cơ sở dữ liệu FSSC 22000 cho các Tổ chức được chứng nhận có sẵn trên www.fssc.com

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
TỈNH ĐỒNG NAI
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN SAO

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN

Mã số doanh nghiệp: 3600495818

Đăng ký lần đầu: ngày 16 tháng 05 năm 2001

Đăng ký thay đổi lần thứ: 28, ngày 27 tháng 03 năm 2024

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG BIÊN HÒA

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: BIEN HOA CONSUMER JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: BIEN HOA CONSUMER JSC

2. Địa chỉ trụ sở chính

Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Điện thoại: *0251.3836199* Fax: *0251.3836213*

Email: *bhs@bhs.vn* Website: *www.bhs.vn*

3. Vốn điều lệ: 3.577.800.000.000 đồng.

Bằng chữ: Ba nghìn năm trăm bảy mươi bảy tỷ tám trăm triệu đồng

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 357.780.000

4. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: ĐẶNG HUỲNH ỨC MY Giới tính: *Nữ*

Chức danh: Chủ tịch hội đồng quản trị

Sinh ngày: *12/12/1981* Dân tộc: *Hoa* *Quốc tịch: Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *079181030713*

Ngày cấp: *08/07/2022* Nơi cấp: *Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *94A Khuông Việt, Phường Phú Trung, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *94A Khuông Việt, Phường Phú Trung, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam*

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực 3523 quyển số 6 - SCT/BS
Ngày 21-11-2024
CỘNG CHỨNG VIÊN
VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG BÌNH ĐA
TP. BIÊN HÒA - T. ĐỒNG NAI

Nguyễn Thị Thảo

KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

Lê Hoàng Huynh

TRANSLATION
BẢN DỊCH

	**ĐƯỜNG TINH LUYỆN CAMPUCHIA** **Kampong Speu Sugar Co.,Ltd** 344 ĐẠI LỘ MAO TSE TONG, PHUM 6, TUOL SVAY PREY MUOY, CHAMKAR MON, PHNÔM PÊNH, 12308 CAMPUCHIA. Điện thoại: (855) 23 213 315 SẢN XUẤT TẠI CAMPUCHIA Sản xuất theo tiêu chuẩn GHPs & HACCP và đã được chứng nhận HỘI ĐỒNG HỒI GIÁO TRUNG ƯƠNG THÁI LAN CICOT.HL 74 S963 003 07 67 KHÔNG DÙNG MÓC KHỐI LƯỢNG TỊNH: 50 KG

Đồng Nai, Ngày 12 tháng 05 năm 2025

GIÁM ĐỐC NHÀ MÁY

(Đã ký và đóng dấu)

Lê Đình Nghiêm

Tôi, Đinh Thị Hòe, CCCD số: 040192044082 do Cục Cảnh sát Quản lý Hành chính về Trật tự Xã hội cấp ngày 09/12/2022; cam đoan dịch chính xác giấy tờ/ văn bản này từ tiếng Anh sang tiếng Việt.

Người dịch

Đinh Thị Hòe

LỜI CHỨNG CỦA CÔNG CHỨNG VIÊN

Hôm nay, ngày 14 tháng 05 năm 2025

Tại: Văn phòng Công chứng Nguyễn Việt Cường, địa chỉ tại: số 184 (Tầng trệt, Tầng Lửng, Phòng 102 – Lầu 1) Dương Bá Trạc, Phường Rạch Ông, Quận 8, Thành phố. Hồ Chí Minh.
Tôi .....Huỳnh Dũng Tiến....., công chứng viên, trong phạm vi trách nhiệm của mình theo quy định của pháp luật,

CHỨNG NHẬN:

- Bản dịch này do Ông/Bà: Đinh Thị Hòe, cộng tác viên phiên dịch của Văn phòng Công chứng Nguyễn Việt Cường, tỉnh (thành phố): Thành phố Hồ Chí Minh. Dịch từ tiếng Anh sang tiếng Việt;

- Chữ ký trong bản dịch đúng là chữ ký của Ông/Bà: Đinh Thị Hòe;

- Nội dung bản dịch chính xác, không vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội;

- Văn bản công chứng này được lập thành..02.. bản chính, mỗi bản gồm ..2... tờ, ..2.... trang.

Số công chứng 5380., quyển số 01/2025 TP/CC-SCC/BD

CÔNG CHỨNG VIÊN

S.Đ.K.H.Đ: A1020065 - C.T.H.D
VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG NGUYỄN VIỆT CƯỜNG
QUẬN 8 - T.P HỒ CHÍ MINH

Huỳnh Dũng Tiến

NHÃN CHÍNH SẢN PHẨM



Đồng Nai, ngày 12 tháng 05 năm 2025

GIÁM ĐỐC NHÀ MÁY

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG BIÊN HÒA

Lê Đình Nghiêm

TRANSLATION
BẢN DỊCH

Chứng nhận Đăng ký

KAMPONG SPEU SUGAR CO., LTD.

THÔN PHLOCH, XÃ TRAPEANG CHO,
HUYỆN ORAL, TỈNH KAMPONG SPEU, CAMPUCHIA.
COID - KHM-1-8055-202115

Bureau Veritas Certification Holding SAS, Chi nhánh tại Vương Quốc Anh chứng nhận rằng hệ thống quản lý an toàn thực phẩm của tổ chức trên đã được đánh giá và xác định là tuân thủ các yêu cầu của:

Tiêu chuẩn

FSSC 22000

Chương trình chứng nhận hệ thống quản lý an toàn thực phẩm, bao gồm các yếu tố sau:
ISO 22000:2018, ISO TS 22002-1:2009 và các yêu cầu bổ sung của FSSC 22000 phiên bản V6

Giấy chứng nhận này áp dụng cho phạm vi

Chế biến (bay hơi và sấy khô) và đóng gói các sản phẩm đường trong bao dệt/túi nilon và mật mía trong xe bồn

FSSC - Loại chuỗi thực phẩm: CIV - Chế biến các sản phẩm ổn định ở nhiệt độ phòng

Ngày kiểm tra không báo trước gần đây nhất: **Không có**

Ngày chứng nhận lần đầu:	**15/01/2025** Ngày bắt đầu chu trình ban đầu của một chức chứng nhận khác: 08/07/2024
Ngày hết hạn của chu trình trước:	**Không có**
Ngày cấp quyết định Chứng nhận:	**15/01/2025**
Ngày bắt đầu chu trình chứng nhận:	**08/07/2024**
Hiệu lực đến:	**07/07/2027**
Số chứng nhận/Phiên bản:	**TH024486 - 1**
Ngày cấp:	**15/01/2025**

* Cần phải thực hiện ít nhất một (1) cuộc kiểm tra giám sát không báo trước sau cuộc kiểm tra chứng nhận ban đầu và sau đó mỗi ba (3) năm một lần.

(Đã ký)

Ký thay mặt BVCH SAS Chi nhánh Vương Quốc Anh

Địa chỉ của tổ chức chứng nhận: Tầng 5, 100 đường Lower Thames, London, EC3R 6DL, Vương Quốc Anh
Văn phòng địa phương: Bureau Veritas Certification (Thailand) Ltd. Tầng 16, Bangkok Tower, 2170 Đường New Petchburi, Bangkapi, Huaykwang, Bangkok 10310, Thái Lan

Để làm rõ thêm về phạm vi của giấy chứng nhận này và khả năng áp dụng các yêu cầu của hệ thống quản lý, có thể tham khảo trực tiếp tổ chức chứng nhận.

Giấy chứng nhận này là tài sản của Bureau Veritas Certification Holding SAS Chi nhánh tại Vương Quốc Anh.

Có thể được kiểm tra hiệu lực của giấy chứng nhận này trong cơ sở dữ liệu FSSC 22000 về các tổ chức được chứng nhận tại www.fssc22000.com

Mẫu Chứng nhận UKAS FSSC Phiên bản 6 Cat BCK sửa đổi 1.2 Ngày 30/09/2024

Bureau Veritas Certification

Bureau Veritas Certification

KAMPONG SPEU SUGAR CO., LTD.

THÔN PHLOCH, XÃ TRAPEANG CHO, HUYỆN ORAL, TỈNH KAMPONG SPEU, CAMPUCHIA.

Bureau Veritas Certification Holding SAS, Chi nhánh tại Vương Quốc Anh chứng nhận rằng hệ thống quản lý an toàn thực phẩm của tổ chức trên đã được đánh giá và xác định là tuân thủ các yêu cầu của tiêu chuẩn hệ thống quản lý được nêu dưới đây:

ISO 9001:2015

Phạm vi chứng nhận

SẢN XUẤT ĐƯỜNG THÔ, ĐƯỜNG TRẮNG, ĐƯỜNG TINH LUYỆN VÀ MẬT MÍA

Ngày bắt đầu chu trình ban đầu của tổ chức chứng nhận khác:	**22/06/2023**
Ngày hết hạn của chu trình trước:	**21/06/2026**
Ngày Kiểm tra Chứng nhận/Chứng nhận lại:	**09/06/2023**
Ngày bắt đầu chu trình Chứng nhận/Chứng nhận lại:	**22/06/2023**
Với điều kiện hệ thống quản lý của tổ chức tiếp tục hoạt động thỏa mãn, giấy chứng nhận này hết hiệu lực vào ngày:	**21/06/2026**

Chứng nhận số: **TH024540** Phiên bản: **1** Ngày cấp: **10/01/2025**

(Đã ký)

Ký thay mặt BVCH SAS Chi nhánh Vương Quốc Anh

Địa chỉ của tổ chức chứng nhận: Tầng 5, 100 đường Lower Thames, London, EC3R 6DL, Vương Quốc Anh
Văn phòng địa phương: Bureau Veritas Certification (Thailand) Ltd. Tầng 16, Bangkok Tower, 2170 Đường New Petchburi, Bangkapi, Huaykwang, Bangkok 10310, Thái Lan
Để làm rõ thêm về phạm vi của giấy chứng nhận này và khả năng áp dụng các yêu cầu của hệ thống quản lý, vui lòng liên hệ: 66 2 670 4800.

Bureau Veritas Certification

KAMPONG SPEU SUGAR CO., LTD.

THÔN PHLOCH, XÃ TRAPEANG CHO, HUYỆN ORAL, TỈNH KAMPONG SPEU, CAMPUCHIA.

Bureau Veritas Certification (Thailand) chứng nhận rằng hệ thống quản lý của tổ chức trên đã được đánh giá và xác định là tuân thủ các yêu cầu của tiêu chuẩn hệ thống quản lý được nêu dưới đây

Tiêu chuẩn

Tiêu chuẩn Phân tích Mối nguy và Điểm Kiểm soát tới hạn
TIÊU CHUẨN THỰC PHẨM QUỐC TẾ CODEX ALIMENTARIUS
HỆ THỐNG PHÂN TÍCH MỐI NGUY VÀ ĐIỂM KIỂM SOÁT TỚI HẠN (HACCP) VÀ HƯỚNG DẪN ÁP DỤNG, CXC 1-1969, SỬA ĐỔI NĂM 2022
TAS 9024 : 2021 : HỆ THỐNG PHÂN TÍCH MỐI NGUY VÀ ĐIỂM KIỂM SOÁT TỚI HẠN (HACCP) VÀ HƯỚNG DẪN ÁP DỤNG

Phạm vi chứng nhận

CHẾ BIẾN (BAY HƠI VÀ SẤY KHÔ) VÀ ĐÓNG GÓI CÁC SẢN PHẨM ĐƯỜNG TRONG BAO DỆT/TÚI NILON VÀ MẬT MÍA TRONG XE BỒN

Ngày bắt đầu chu trình ban đầu của tổ chức chứng nhận khác:	**20/08/2024**
Ngày hết hạn của chu trình trước:	**07/07/2027**
Ngày Kiểm tra Chứng nhận/Chứng nhận lại:	**29/05/2024**
Ngày bắt đầu chu trình Chứng nhận/Chứng nhận lại:	**20/08/2024**
Với điều kiện hệ thống quản lý của tổ chức tiếp tục hoạt động thỏa mãn, giấy chứng nhận này hết hiệu lực vào ngày:	**07/07/2027**

Chứng nhận số: **TH024435** Phiên bản: **1** Ngày cấp: **13/12/2024**

(Đã ký)

Cơ quan Chứng nhận

Địa chỉ của tổ chức chứng nhận: Bureau Veritas Certification (Thailand) Ltd. Tầng 16, Bangkok Tower, 2170 Đường New Petchburi, Bangkapi, Huaykwang, Bangkok 10310, Thái Lan

Để làm rõ thêm về phạm vi của giấy chứng nhận này và khả năng áp dụng các yêu cầu của hệ thống quản lý, có thể tham khảo trực tiếp tổ chức chứng nhận. Để xác nhận hiệu lực của giấy chứng nhận này, vui lòng liên hệ số +662 670 4800.

[Mã QR]

Tôi, Đinh Thị Hòe, CCCD số: 040192044082 do Cục Cảnh sát Quản lý Hành chính về Trật tự Xã hội cấp ngày 09/12/2022; cam đoan dịch chính xác giấy tờ/ văn bản này từ tiếng Anh sang tiếng Việt.

Người dịch

Đinh Thị Hòe

LỜI CHỨNG CỦA CÔNG CHỨNG VIÊN

Hôm nay, ngày 14 tháng 05 năm 2025

Tại: Văn phòng Công chứng Nguyễn Việt Cường, địa chỉ tại: số 184 (Tầng trệt, Tầng Lửng, Phòng 102 – Lầu 1) Dương Bá Trạc, Phường Rạch Ông, Quận 8, Thành phố. Hồ Chí Minh.
Tôi .....Huỳnh Dũng Tiến..., công chứng viên, trong phạm vi trách nhiệm của mình theo quy định của pháp luật,

CHỨNG NHẬN:

- Bản dịch này do Ông/Bà: Đinh Thị Hòe, cộng tác viên phiên dịch của Văn phòng Công chứng Nguyễn Việt Cường, tỉnh (thành phố): Thành phố Hồ Chí Minh. Dịch từ tiếng Anh sang tiếng Việt;

- Chữ ký trong bản dịch đúng là chữ ký của Ông/Bà: Đinh Thị Hòe;

- Nội dung bản dịch chính xác, không vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội;

- Văn bản công chứng này được lập thành 02 bản chính, mỗi bản gồm 4 tờ, 4 trang.

Số công chứng 5381, quyển số 01/2025 TP/CC-SCC/BD

CÔNG CHỨNG VIÊN

S.Đ.K.H.Đ: 41020065 - C.T.T.N.H.H - VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG NGUYỄN VIỆT CƯỜNG - QUẬN 8 - T.P HỒ CHÍ MINH

Huỳnh Dũng Tiến

Bureau Veritas Certification

Certificate of Registration

KAMPONG SPEU SUGAR CO., LTD.

PHLOCH VILLAGE, TRAPEANG CHO COMMUNE, ORAL DISTRICT, KAMPONG SPEU PROVINCE, CAMBODIA.

COID - KHM-1-8055-202115

Bureau Veritas Certification Holding SAS, UK Branch certifies that the food safety management system of the above organization has been assessed and determined to comply with the requirements of:

Standard

FSSC 22000

Certification scheme for food safety management systems, consisting of the following elements:

ISO 22000:2018, ISO TS 22002-1:2009 and additional FSSC 22000 requirements V6

This certificate is applicable for the scope of

Processing (evaporation and drying) and packing of sugar products in woven bag/plastic bag and molasse in tanker

FSSC - Food Chain Category: CIV - Processing of ambient stable products

Date of the last unannounced audit:	NA
Initial certification date:	15 January 2025 Original cycle start date by another certification body: 08 July 2024
Expiry date of previous cycle:	NA
Certification decision date:	15 January 2025
Certification cycle start date:	08 July 2024
Valid until:	07 July 2027
Certificate No./Version:	TH024486 - 1
Issue Date:	15 January 2025

*At least one (1) surveillance audit is required to be undertaken unannounced after the initial certification audit within each three (3) year period thereafter.

Signed on behalf of BVCH SAS UK Branch

UKAS MANAGEMENT SYSTEMS 0008

FSSC 22000

Certification body address: 5th Floor, 100 Lower Thames Street, London, EC3R 6DL, United Kingdom

Local Office: Bureau Veritas Certification (Thailand) Ltd. 16th Floor, Bangkok Tower, 2170 New Petchburi Road, Bangkapi, Huaykwang, Bangkok 10310, Thailand

Further clarifications regarding the scope of this certificate and the applicability of the management system requirements may be obtained by consulting the organization.

This certificate remains the property of Bureau Veritas Certification Holding SAS - UK Branch

Validity of this certificate can be verified in the FSSC 22000 database of certified organizations available on www.fssc22000.com

Bureau Veritas Certification

KAMPONG SPEU SUGAR CO., LTD.

PHLOCH VILLAGE, TRAPEANG CHO COMMUNE, ORAL DISTRICT, KAMPONG SPEU PROVINCE, CAMBODIA

Bureau Veritas Certification Holding SAS - UK Branch certifies that the Management System of the above organisation has been audited and found to be in accordance with the requirements of the management system standards detailed below

ISO 9001:2015

Scope of certification

MANUFACTURING OF RAW SUGAR, WHITE SUGAR, REFINE SUGAR AND MOLASSE

Original cycle start date by another certification body:	22 June 2023
Expiry date of previous cycle:	21 June 2026
Certification / Recertification Audit date:	09 June 2023
Certification / Recertification cycle start date:	22 June 2023
Subject to the continued satisfactory operation of the organisation's Management System, this certificate expires on:	21 June 2026

Certificate No.: TH024540 Version: 1 Issue date: 10 January 2025

0008

Signed on behalf of BVCH SAS UK Branch

Certification Body Address: 5th Floor, 100 Lower Thames Street, London, EC3R 6DL, United Kingdom

Local Office: Bureau Veritas Certification (Thailand) Ltd. 16th Floor, Bangkok Tower, 2170 New Petchburi Road,Bangkapi, Huaykwang, Bangkok 10310, Thailand

Further clarifications regarding the scope and validity of this certificate, and the applicability of the management system requirements, please call: 66 2 670 4800

Bureau Veritas Certification

KAMPONG SPEU SUGAR CO., LTD.

PHLOCH VILLAGE, TRAPEANG CHO COMMUNE, ORAL DISTRICT, KAMPONG SPEU PROVINCE, CAMBODIA

Bureau Veritas Certification (Thailand) certifies that the Management System of the above organisation has been audited and found to be in accordance with the requirements of the management system standards detailed below

Standard

Hazard Analysis and Critical Control Point Standards

CODEX ALIMENTARIUS INTERNATIONAL FOOD STANDARDS.

HAZARD ANALYSIS AND CRITICAL CONTROL POINT (HACCP) SYSTEM

AND GUIDELINES FOR ITS APPLICATION, CXC 1-1969, REVISED IN 2022

TAS 9024 : 2021 : HAZARD ANALYSIS AND CRITICAL CONTROL POINT (HACCP) SYSTEM

AND GUIDELINES FOR ITS APPLICATION

Scope of certification

PROCESSING (EVAPORATION AND DRYING) AND PACKING OF SUGAR PRODUCTS IN WOVEN BAG/PLASTIC BAG AND MOLASSE IN TANKER.

Original cycle start date by another certification body:	20 August 2024
Expiry date of previous cycle:	07 July 2027
Certification / Recertification Audit date:	29 May 2024
Certification/Recertification Cycle Start Date:	20 August 2024
Subject to the continued satisfactory operation of the organization's Management System, this certificate expires on:	07 July 2027

Certificate No.: TH024435 Version: 1 Revision date: 13 December 2024

Certification Authority

Certification Body Address: Bureau Veritas Certification (Thailand) Ltd. 16th Floor, Bangkok Tower, 2170 New Petchburi Road, Bangkapi, Huaykwang, Bangkok 10310, Thailand

Further clarifications regarding the scope and validity of this certificate and the applicability of the management system requirements, can be obtained by consulting the organization. To confirm the validity of this certificate, please contact the number +662 670 4800

TRANSLATION
BẢN DỊCH

BỘ KINH TẾ VÀ TÀI CHÍNH
TỔNG CỤC THUẾ
SỐ PTL23011866837

VƯƠNG QUỐC CAMPUCHIA
DÂN TỘC-TÔN GIÁO-QUỐC VƯƠNG

/ảnh/

THUẾ BẰNG SÁNG CHẾ 2023

Người nộp thuế là Doanh nghiệp lớn

Tên công ty: KAMPONG SPEU SUGAR Co., Ltd.

Mã số thuế (MST): L001-107003678

Đăng ký tại: Tổng cục Thuế Trực thuộc: Cục Thuế Doanh nghiệp lớn

Hoạt động kinh doanh chính: Nông nghiệp (trồng trọt nông nghiệp-công nghiệp: mía)

Hình thức kinh doanh: Công ty trách nhiệm hữu hạn tư nhân

Địa chỉ doanh nghiệp: Số 344 Đường Mao Setung, Toul Svay Prey 1 Sangkat, Quận Chamkar Mon, Phnom Penh

Tên chủ sở hữu: KIM HEANG Quốc tịch: Campuchia

Số tiền thuế bằng sáng chế năm 2023 là 5.000.000 riel	Tổng cục Thuế Ngân hàng ACLEDA	Phnôm Pênh, ngày 18/01/2023 [MÃ QR]
Số sêri: 008435725	*(Đã đóng dấu)*	[MÃ VẠCH]

Lưu ý: Bằng sáng chế này phải được trưng bày hoặc treo tại văn phòng kinh doanh.

Tôi, Đinh Thị Hòe, CCCD số: 040192044082 do Cục Cảnh sát Quản lý Hành chính về Trật tự Xã hội cấp ngày 09/12/2022; cam đoan dịch chính xác giấy tờ/ văn bản này từ tiếng Anh sang tiếng Việt.

Người dịch

Đinh Thị Hòe

LỜI CHỨNG CỦA CÔNG CHỨNG VIÊN

Hôm nay, ngày 14 tháng 05 năm 2025

Tại: Văn phòng Công chứng Nguyễn Việt Cường, địa chỉ tại: số 184 (Tầng trệt, Tầng Lửng, Phòng 102 – Lầu 1) Dương Bá Trạc, Phường Rạch Ông, Quận 8, Thành phố. Hồ Chí Minh.
Tôi .....Huỳnh Dũng Tiến..., công chứng viên, trong phạm vi trách nhiệm của mình theo quy định của pháp luật,

CHỨNG NHẬN:

- Bản dịch này do Ông/Bà: Đinh Thị Hòe, cộng tác viên phiên dịch của Văn phòng Công chứng Nguyễn Việt Cường, tỉnh (thành phố): Thành phố Hồ Chí Minh. Dịch từ tiếng Anh sang tiếng Việt;

- Chữ ký trong bản dịch đúng là chữ ký của Ông/Bà: Đinh Thị Hòe;

- Nội dung bản dịch chính xác, không vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội;

- Văn bản công chứng này được lập thành 02 bản chính, mỗi bản gồm 2 tờ, 2 trang.

Số công chứng 5884, quyển số 01/2025 TP/CC-SCC/BD

CÔNG CHỨNG VIÊN

S.Đ.K.H.Đ: 41020065 - C.T.H.D
VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG NGUYỄN VIỆT CƯỜNG
QUẬN 8 - T.P HỒ CHÍ MINH

Huỳnh Dũng Tiến

ព្រះរាជាណាចក្រកម្ពុជា
KINGDOM OF CAMBODIA
ជាតិ សាសនា ព្រះមហាក្សត្រ
NATION RELIGION KING

ក្រសួងសេដ្ឋកិច្ចនិងហិរញ្ញវត្ថុ
MINISTRY OF ECONOMY AND FINANCE
អគ្គនាយកដ្ឋានពន្ធដារ
GENERAL DEPARTMENT OF TAXATION
លេខ/N°PTL23011866837 អពដ



ប័ណ្ណពន្ធប៉ាតង់ ឆ្នាំ ២០២៣
អ្នកជាប់ពន្ធធំ

ឈ្មោះសហគ្រាស៖ កំពង់ស្ពឺ ស៊ូហ្គឺរ
លេខអត្តសញ្ញាណកម្មសារពើពន្ធ៖ L001-107003678
ចុះបញ្ជីនៅ៖ **អគ្គនាយកដ្ឋានពន្ធដារ** ស្ថិតនៅក្រោមការគ្រប់គ្រង៖ នាយកដ្ឋានគ្រប់គ្រងអ្នកជាប់ពន្ធធំ
ទ្រង់ទ្រាយសហគ្រាស៖ ក្រុមហ៊ុនឯកជនទទួលខុសត្រូវមានកម្រិត
សកម្មភាពអាជីវកម្មចម្បង៖ កសិកម្ម (ដាំដំណាំកសិឧស្សាហកម្ម៖ អំពៅ)
អាសយដ្ឋានសហគ្រាស៖ #៣៨៨ ផ្លូវម៉ៅសេទុង សង្កាត់ទួលស្វាយព្រៃទី ១ ខណ្ឌចំការមន រាជធានីភ្នំពេញ
ឈ្មោះម្ចាស់សហគ្រាស៖ គីម ហ៊ាង សញ្ជាតិ៖ ខ្មែរ

PATENT TAX 2023
Large Taxpayer

Company's name : KAMPONG SPEU SUGAR Co., Ltd.
Tax Identification Number (TIN) : L001-107003678
Registered at : General Department of Taxation Under : Department of large Taxpayers
Main business activity(ies) : Agriculture (agri-industrial plantation: sugar cane)
Forms of business : Private limited company
Owner's name : KIM HEANG Nationality: Cambodian

ទឹកប្រាក់ពន្ធប៉ាតង់ ២០២៣
៥,០០០,០០០ រៀល
លេខ SN: 008435725

អគ្គនាយកដ្ឋានពន្ធដារ
General Department of Taxation
ACLEDA Bank

រាជធានីភ្នំពេញ ថ្ងៃទី១៨ ខែមករា ឆ្នាំ២០២៣
Phnom Penh, 18 January 2023

បញ្ជាក់ ៖ ប័ណ្ណប៉ាតង់នេះត្រូវដាក់តាំង ឬព្យួរ នៅទីកន្លែងប្រកបរាជីវកម្ម។
Note : This patent tax must be hanged or displayed at the company's office.

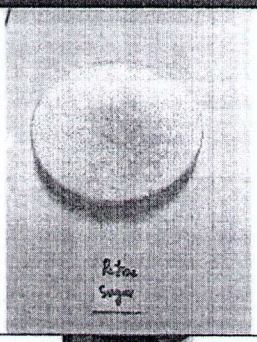
SP-PD02-QC01-26
Rev.01, Date 20 JAN 2025

ក្រុមហ៊ុន កំពង់ស្ពឺ ស្ពឺហ្សឺរ
KAMPONG SPEU SUGAR CO.,LTD

ស្តង់ដារផលិតផល
PRODUCT SPECIFICATION

PRODUCT ITEM	S003 Refine sugar	SPEC. CODE	SFG-003/Y22
		Last Update	20-Jan-2025

GENERAL INFORMATION

Product Description	• ស្ករស ទទួលបានពីការរំលាយស្ករនៅតាមរយៈដំណើរការចម្រាញ់។ ដំណើរការនៃគ្រីស្តាល់ កិន និងសម្ងួតដើម្បីបង្កើតជាគ្រាប់ស្ករ។ វាមានរូបរាងនៃដុំគ្រីស្តាល់ពណ៌ស។	**Product Image**	
Application & Use	•វាជាវត្ថុធាតុដើមនៅក្នុងឧស្សាហកម្មខាងក្រោម។ ជាគ្រឿងផ្សំអាហារដើម្បីបង្កើតរសជាតិ • raw materials in continuous industries as a food ingredient for flavor		
Product Specification	1.POLARIZATION : ∘Z ≥ 99.8 2.MOISTURE : % ≤ 0.04 3.COLOR : IU ≤ 45 4.INVERTED SUGAR : % ≤ 0.04 5.CONDUCTIVITY ASH : % ≤ 0.04 6.PARTICLE SIZE : mm. 0.400 – 0.950 7.FOREIGN MATTER : % ≤ 0.02	**Packaging**	
Allergen Status	Non-Allergen	**Labeling Information**	• ស្លាកសញ្ញាម៉ាក KSS ឈ្មោះប្រភេទពណ៌ស្ករ ស្លាកសញ្ញាស្តង់ដារ GHP & HACCP ក្រុមហ៊ុនផលិត ទម្ងន់ កាលបរិច្ឆេទផលិត កាលបរិច្ឆេទផុតកំណត់ ប្រើលិខិតប្រមានគ្មានទំពក់ • KSS brand logo, sugar type name, GHP & HACCP certification standard font, manufacturer, weight, production date, expiration date, warning message Use No Hook
Shelf Life and Storage Condition	• មិនលើសពី 3 ឆ្នាំគិតចាប់ពីថ្ងៃផលិតនៅក្រោមការផ្ដុកនៅសីតុណ្ហភាពបន្ទប់។ មិនប៉ះពាល់និងសំណើម និងពន្លឺព្រះអាទិត្យ • Not more than 3 years from the date of manufacture under room temperature storage. Not exposed to moisture and sunlight	**Delivery Condition**	•ដឹកជញ្ជូនតាមឡានដែលគ្របដោយផ្ទាំងក្រណាត់ • Transported by truck covered with tarpaulin

PRODUCT CHARACTERISTICS OR PROPERTY

Brand	Packaging and Packing Size	Physical Properties
Kampong spue sugar Co.,Ltd.	• វេចខ្ចប់ក្នុងថង់ប្លាស្ទិក PP ជាមួយស្រទាប់ជ័រ PE ទំហំវេចខ្ចប់ ៥០ គីឡូក្រាម និងទំហំវេចខ្ចប់ ១-១.២ តោន។ • Packed in a PP plastic bag with a PE filter, packing size 50 kg. and big bag size 1 -1.2 tons.	• crystall • white Color • Odor • Flavor • No contaminant and filth
Chemical Properties		Biological Properties

ព្រះរាជាណាចក្រកម្ពុជា
ក្រុមហ៊ុន
កំពង់ស្ពឺ ស្ពឺហ្សឺរ
KAMPONG SPEU SUGAR
Co., Ltd.

Verify annually test report. • Lead (Pb) < 0.1 mg/kg • Sulfur Dioxide < 10 mg/kg • tin 250 mg/kg • Lead 1 mg/kg • mercury 0.02 mg/kg • arsenic, total 2 mg/kg • Aflatoxin (B1+ B2+ G1 +G2) 20 µg/kg Maximum Residue Limit, MRL • carbaryl 0.05 mg./Kg. • carbendazim / benomyl 0.1 mg./Kg. • cypermethrin 0.2 mg./Kg. • 2,4 D mg./Kg. • deltamethrin 0.05 mg./Kg. • malathion 0.02 mg./Kg. • atrazine 0.1 mg./Kg. • ametryn 0.05 mg./Kg. • chlorpyrifos 0.005 mg./Kg. • chlorpyrifos-methyl 0.005 mg./Kg. • paraquat 0.005 mg./Kg. default limits • chlormequat 0.1mg./Kg. • cyfluthrin 0.02 mg./Kg. • triadimenol 0.1 mg./Kg. • triadimefon 0.1 mg./Kg. • thiabendazole 0.1 mg./Kg. • bifenthrin 0.05 mg./Kg. • permethrin 0.1 mg./Kg. • fipronil 0.005 mg./Kg. • fenpropathrin 0.05 mg./Kg. • fenvalerate 0.02 mg./Kg. • lambda-cyhalothrin 0.05 mg./Kg. • acephate 0.05 mg./Kg. • emamectin benzoate 0.005 mg./Kg. • omethoate Not detected Extraneous Maximum Residue Limit, EMRL • (aldrin and dieldrin 0.05 mg./Kg. • chlordane 0.02 mg./Kg. • DDT 0.01 mg./Kg. • endrin 0.01 mg./Kg. • heptachlor 0.01 mg./Kg.	Verify annually test report. • Total Plate Count < 5.0 x 10^2 CFU/g • Total Yeast and Mold Count < 1.0 x 10^2 CFU/g • Staphylococcus aureus Not Detected in 0.1 g • Clostridium perfringens Not Detected in 0.1 g • Escherichia coli < 3.0 MPN/g • Salmonella spp. Not Detected in 25 g • Bacillus cereus < 1.0 x 10^2 CFU/g

Edit by QC	Review by FS Team Leader	Approve by QMR
	Mr.Khampueang Nooklang	Ms.Warinee Pangchanatada
Date 20-Jan-2025	Date 20-Jan-2025	Date 20-Jan-2025

TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT SẢN PHẨM

MỤC SẢN PHẨM	S003 ĐƯỜNG TINH LUYỆN	Mã số SPEC	SFG-003/Y22
		Lần cập nhật gần nhất	20-01-2025
THÔNG TIN CHUNG			
Mô tả sản phẩm	Đường Thu được từ quá trình hòa tan đường thông qua quá trình chưng cất, quá trình kết tinh, nghiền và đánh bóng để tạo thành hạt đường. Nó có dạng như những hạt tinh thể màu trắng.	Hình ảnh sản phẩm	/ảnh/
Ứng dụng và sử dụng	Nguyên liệu thô trong các ngành sản xuất liên tục như một thành phần thực phẩm để tạo hương vị.		
Đặc điểm kỹ thuật sản phẩm	1. Độ Pol: Z ≥ 99.8 2. Độ ẩm: % ≤ 0.04 3. Độ màu: IU ≤ 45 4. Hàm lượng đường khử ≤ 0.04% 5. Độ tro dẫn điện: % ≤ 0.04 6. Kích thước hạt: mm. 0.400 – 0.950 7. Vật thể lạ: % ≤ 0.02	Bao bì	/ảnh/
Tình trạng dị ứng	Không gây dị ứng	Thông tin ghi nhãn	Logo thương hiệu KSS, tên loại đường, phông chữ tiêu chuẩn chứng nhận GHP & HACCP, trọng lượng, ngày sản xuất, ngày hết hạn, cảnh báo "Không sử dụng móc"
Hạn sử dụng và điều kiện bảo quản	Không quá 3 năm kể từ ngày sản xuất khi bảo quản ở nhiệt độ phòng. Không tiếp xúc với không khí ẩm và ánh sáng mặt trời	Điều kiện giao hàng	Vận chuyển bằng xe tải phủ bạt
ĐẶC ĐIỂM HOẶC TÍNH CHẤT CỦA SẢN PHẨM			
Thương hiệu	Đóng gói và kích thước đóng gói	Tính chất vật lý	

Kampong speu sugar Co.Ltd	Đóng gói trong bao PP có lớp lót bao PE, kích thước đóng gói bao 50 kg và bao lớn 1 – 1,2 tấn	• Dạng tinh thể • Màu trắng • Mùi • Hương vị • Không chứa chất gây ô nhiễm và bẩn thỉu.
Tính chất hóa học		Đặc tính sinh học

(Đã đóng dấu)

Kiểm tra báo cáo thử nghiệm hàng năm • Chì (Pb) <0.1 mg/kg • Lưu huỳnh dioxit < 10 mg/kg • Thiếc 250 mg/kg • Chì 1 mg/kg • Thủy Ngân 0.02 mg/kg • arsenic, tổng cộng 2 mg/kg • Aflatoxin (B1+B2+ G1 +G2) 20 µg/kg Giới hạn dư lượng tối đa, MRL • carbaryl 0.05 mg./Kg. • carbendazim/benomyl 0.1 mg./Kg. • cypermethrin 0.2 mg/Kg. • 2,4 D mg/Kg • deltamethrin 0.05 mg/Kg. • malathion 0.02 mg./Kg. • atrazine 0.1 mg./Kg. • ametryn 0.05 mg./Kg. • chlorpyrifos 0.005 mg./Kg. • chlorpyrifos-methyl 0.005 mg./Kg. • paraquat 0.005 mg/Kg. Giới hạn mặc định • chlormequat 0.1mg./Kg. • cyfluthrin 0.02 mg/Kg. • triadimenol 0.1 mg./Kg. • triadimefon 0.1 mg/Kg. • thiabendazole 0.1 mg./Kg. • bifenthrin 0.05 mg./Kg. • permethrin 0.1 mg/Kg. • fipronil 0.005 mg./Kg. • fenpropathrin 0.05 mg/Kg. • fenvalerate 0.02 mg/Kg • lambda-cyhalothrin 0.05 mg./Kg. • acephate 0.05 mg/Kg. • emamectin benzoate 0.005 mg./Kg. • omethoate Không phát hiện Giới hạn dư lượng tối đa ngoại lai, EMRL • (aldrin and dieldrin 0.05 mg/Kg • chlordane 0.02 mg./Kg • DDT 0.01 mg/Kg. • endrin 0.01 mg/Kg. • heptachlor 0.01 mg/Kg.	Kiểm tra báo cáo thử nghiệm hàng năm • Tổng số lượng vi khuẩn < 5.0×10^2 CFU/g • Tổng số nấm men và nấm mốc < 1.0×10^2 CFU/g • Staphylococcus aureus Không phát hiện trong 0.1 g • Clostridium perfringens Không phát hiện trong 0.1 g • Escherichia coli < 3.0 MPN/g • Salmonella spp. Không phát hiện trong 25g • Bacillus cereus < 1.0×10^2 CFU/g

Chỉnh sửa bởi QC	Đánh giá bởi Trưởng nhóm FS	Phê duyệt bởi QMR
Đã ký	*Đã ký* Mr. Khampueang Nooklang	*Đã ký* Ms. Warinee Pangchanatada
Ngày 20/01/2025	Ngày 20/01/2025	Ngày 20/01/2025

(Đã đóng dấu)